

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2025

V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Duy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Tăng Phan Nhật Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Kiên Thị C, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm F, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi ở hiện nay: Sô H, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Ông Kiên Pha L, sinh năm 1974 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Khóm F, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án bà Kiên Thị C trình bày:*

Vào năm 2002 bà có xác lập quan hệ vợ chồng với ông Kiên Pha L và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Kiên Ngọc L1, sinh ngày 01/3/2000, Kiên Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2002 và Kiên Minh C1, sinh ngày 08/5/2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Kiên Thị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vui vẻ, đến khoảng năm 2012 ông Pha L bắt đầu thay đổi tính tình, không quan tâm đến vợ con, không chăm lo kinh tế, đời sống gia đình, chỉ tụ tập bạn bè ăn nhậu say xỉn, về nhà hành hạ, đánh đập vợ con. Dù vợ và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Pha L vẫn không thay đổi và hiện tại bà C và ông Pha L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

*Nay bà Kiên Thị C yêu cầu giải quyết:*

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Kiên Pha L.
- Về con chung: Kiên Ngọc L1, sinh ngày 01/3/2000, Kiên Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2002 và Kiên Minh C1, sinh ngày 08/5/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kiên Thị C đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: 01 trích lục kết hôn (bản sao); 03 giấy khai sinh (bản sao chứng thực); 01 căn cước công dân (photo).

*Đối với bị đơn ông Kiên Pha L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông Pha L nhưng ông Pha L không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ông Pha L được, ông Pha L cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên của bà Kiên Thị C xin ly hôn với ông Kiên Pha L. Về con chung: Đối với con chung tên Kiên Ngọc L1, sinh ngày 01/3/2000, Kiên Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2002 và Kiên Minh C1, sinh ngày 08/5/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiên Thị C khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Kiên Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn. Riêng bị đơn ông Kiên Pha L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người hiện cũng đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm cuộc sống của nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và kiên quyết xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, vì hiện tại nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nhau. Phía Tòa án đã hai lần gửi thông báo hòa giải đến bị đơn để có sự tác động hàn gắn tình cảm cho nguyên đơn và bị đơn nhưng bị đơn không có sự hợp tác. Cả nguyên đơn và bị đơn không ai có thiện chí cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông bà và thực hiện quyền và nghĩa vụ lẫn nhau nên xét điều kiện để nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ là không có.

Từ những phân tích trên thấy giữa nguyên đơn và bị đơn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] *Về con chung*: Theo nguyên đơn thì trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn với bị đơn có 03 người con chung tên Kiên Ngọc L1, sinh ngày 01/3/2000, Kiên Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2002 và Kiên Minh C1, sinh ngày 08/5/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do Tòa án không làm việc được với bị đơn nên không xác định được nguyên đơn và bị đơn có tài sản chung, nợ chung gì không. Trường hợp bị đơn ông Pha L có tranh chấp với nguyên đơn bà C về tài sản chung, nợ chung thì ông Pha L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Nguyên đơn bà Kiên Thị C được ly hôn với bị đơn ông Kiên Pha L.

2. *Về con chung:* Các con chung tên Kiên Ngọc L1, sinh ngày 01/3/2000, Kiên Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2002 và Kiên Minh C1, sinh ngày 08/5/2004 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Do Tòa án không làm việc được với ông Kiên Pha L nên không xác định được vợ chồng bà C, ông Pha L có tài sản chung, nợ chung gì không. Trường hợp ông Pha L có tranh chấp với bà C về tài sản chung, nợ chung thì ông Pha L có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác sau khi ly hôn.

4. *Về án phí:* Bà Kiên Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001294 ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường 9, TPTV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Kiều Trang**

